

NGÔN NGỮ HỌC VÀ CÁC MÔ HÌNH LÝ THUYẾT DỊCH

Nguyễn Ngọc Hùng*

Một trong những thành tố quan trọng trong chương trình dạy dịch cho sinh viên chuyên ngành phiên/biên dịch là phần lý thuyết dịch: lý thuyết dịch đại cương và lý thuyết dịch cho từng cặp ngôn ngữ. Để bước đầu giúp những người muốn đi vào công việc dịch thuật, dưới đây chúng tôi giới thiệu tóm tắt những “mô hình lý thuyết dịch” dựa trên cơ sở ngôn ngữ học với định hướng so sánh tiếng Việt – ngôn ngữ điển hình cho loại hình ngôn ngữ đơn lập phân tích tính và tiếng Nga – ngôn ngữ điển hình cho loại hình ngôn ngữ biến tổ tổng hợp tính.

Từ khoá: mô hình lý thuyết, biểu vật, ngôn ngữ học cấu trúc, ngữ pháp cải biến, ngữ pháp tạo sinh; tính tương đương, tính tương đương; các tương ứng có qui luật.

One of the important components in translation curriculum for translation/interpretation majors is the theory of translation: theory of general translation and theory of translation between languages. To help translator-to-be, we introduce an overview of ‘models of translation theory’ on the basis of linguistics and the comparison between Vietnamese – a typical analytic and isolating language – and Russian – a typical flexional and synthetic language.

Key words: translation theory model, denotation, structural linguistics, transformational grammar, generative grammar; equivalence; corresponding rules.

Vai trò của môn dịch trong việc đào tạo cán bộ ngoại ngữ ngày càng tăng cùng với sự phát triển, mở rộng quan hệ giao lưu quốc tế. Dịch được coi là phương tiện giao tiếp đa ngôn ngữ, nó có đặc thù riêng cần được nghiên cứu và rèn luyện thường xuyên trong quá trình dạy/học ngoại ngữ.

Các nhà ngôn ngữ và sư phạm đều cho rằng cần phải phân biệt dịch là một loại hình phát triển các kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và dịch là một môn học quan trọng trong việc đào tạo phiên/biên dịch. Đối với các nhà giáo tương lai dịch là phương thức học/dạy ngoại ngữ, còn đối với phiên dịch viên tương lai dịch là sự rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.

Yêu cầu của cải cách giáo dục hiện nay là đào tạo nhân lực có trình độ cao, cần phải gắn kết chặt chẽ quá trình đào tạo với nhu cầu xã hội, do vậy chương trình đào tạo phải mang tính ứng dụng nhiều hơn. Để nâng cao trình độ thực hành dịch của người học không chỉ với tư cách nghề nghiệp, mà còn như một phương tiện rèn luyện kỹ năng sử dụng ngoại ngữ cần cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về lý thuyết dịch. Xây dựng lý thuyết dịch đại cương hoặc lý thuyết dịch cho từng cặp ngôn ngữ cụ thể có liên quan chặt chẽ trước hết đến ngôn ngữ học. Đối với nhà ngôn ngữ, dịch là một loại hình giao tiếp lời nói đặc biệt có liên quan tới những hệ thống ngôn ngữ khác nhau. Để giúp sinh viên chuyên ngữ và những người mới tham gia hoạt động dịch tự tin

* PGS.TSKH, nguyên giảng viên cao cấp Trung tâm Ngôn ngữ-Văn hoá Đông-Tây, Trường Đại học Hà Nội

hơn trong quá trình phiên/biên dịch, tìm được những giải pháp hợp lý trong quá trình hoạt động chuyên môn sau này, chúng tôi trước hết trình bày một số mô hình lý thuyết dịch được xây dựng trên cơ sở ngôn ngữ học. Đó là:

1. Mô hình lý thuyết biểu vật.
2. Mô hình lý thuyết cải biến.
3. Mô hình lý thuyết ngữ nghĩa.
4. Mô hình lý thuyết các cấp độ tương đương.
5. Mô hình lý thuyết các tương ứng có quy luật.

Việc ứng dụng những mô hình lý thuyết dịch này tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể như: phụ thuộc vào loại hình ngôn ngữ của nguyên tác và bản dịch, phương thức dịch (viết, nói...), cũng như vào văn phong của văn bản gốc.

1. Mô hình lý thuyết biểu vật trong dịch thuật (Денотативная модель перевода). Đây là mô hình dịch tương đối phổ biến do V.N. Komixarov nghiên cứu và đề xuất [2; 32-61]. Mô hình lý thuyết dịch này dựa trên cơ sở ngôn ngữ học cho rằng, bất kỳ một ký hiệu ngôn ngữ nào cũng biểu đạt một nội dung nhất định, tức là phản ánh sự vật, hiện tượng và mối quan hệ cụ thể của thế giới khách quan bên ngoài. Một đoạn lời nói (chuỗi ký hiệu) bao hàm một thông báo về tình huống cụ thể nào đó, tức là nó nói về các biểu vật trong mối quan hệ nhất định với nhau, do vậy một số nhà ngôn ngữ còn gọi là mô hình lý thuyết dịch tình huống (ситуативная модель перевода) [5; 54]. Ngôn ngữ học gọi mọi sự vật khách quan

của thế giới xung quanh được phản ánh trong các ký hiệu ngôn ngữ là cái biểu vật (денотат), còn cái được biểu hiệu (референт) là ý nghĩa tương ứng với hình thức biểu đạt qua vỏ âm thanh của từ (звуковая оболочка), là yếu tố khách quan được phản ánh trong ý thức con người như một nội dung bên trong của từ.

Điều trên có thể minh họa qua tam giác ngữ nghĩa (семантический треугольник):

“Điện thoại” – “телефон”



*Máy truyền tiếng nói từ
nơi này đến nơi khác*

Nếu loại trừ những sắc thái khác nhau (tính khu biệt - дифференциальные признаки) không cơ bản, có thể nói, đối với chúng ta, những người nói những thứ tiếng khác nhau, thế giới khách quan bên ngoài là một. Từ đó lý thuyết dịch cho rằng, con người trao đổi tình cảm, suy nghĩ về những sự vật, hiện tượng... như nhau, không phụ thuộc vào ngôn ngữ của họ và họ dùng những ký hiệu khác nhau để gọi tên cùng một sự vật - tức biểu vật. Quan niệm như vậy, nên theo lý thuyết này, dịch là quá trình mô tả các biểu vật được ghi nhận sẵn trong ngôn ngữ nguyên bản bằng ngôn ngữ dịch. Mọi ngôn ngữ phát triển nào cũng có khả năng mô tả mọi sự vật, hiện tượng và tình huống. Trong thực tế người dịch không cần phải tìm biểu vật, mà có thể tìm ngay được từ tương đương cho nó từ một số trường hợp biểu vật thiếu vắng trong ngôn ngữ dịch. Lúc đó người dịch phải tìm những

thủ pháp dịch khác để diễn tả sự vật hoặc tình huống.

J. Catford [6; 91] là một trong những người đầu tiên áp dụng mô hình này vào dịch. Ông cho rằng ngôn ngữ nguyên bản và ngôn ngữ dịch có những hệ thống ngữ nghĩa riêng của mình như những “mạng lưới quan hệ” mà đơn vị ngôn ngữ phải nằm trong đó. Và các “mạng lưới” ấy biến chuyển từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, đó cũng là đặc thù cho chúng. Không nên hiểu quá trình dịch là việc chuyển nghĩa một cách đơn giản, vì khi mô tả cùng một tình huống như nhau các ngôn ngữ sử dụng những thành tố ngữ nghĩa khác nhau. Cho nên theo J. Catford, hai đơn vị tương đương nhau vì chúng cùng mô tả một tình huống. Nhà ngôn ngữ học Nga V.G.Gac đã từng nghiên cứu và áp dụng mô hình này. Ông gọi đó là “tình huống - văn bản” (ситуация - текст). Theo V.G.Gac “tình huống” là các quan hệ của sự vật, tức là các mối quan hệ của sự vật được mô tả trong phát ngôn. Đây không phải là tình huống lời nói trong giao tiếp, mà là tình huống sự vật được phản ánh trong lời nói hoặc trong văn bản. Cơ sở của lý thuyết này là cùng một tình huống sự vật có thể được mô tả bằng nhiều cách, bằng nhiều tổng thể các thành tố ngữ nghĩa phản ánh mọi mặt khác nhau của mối quan hệ giữa các sự vật.

Mô hình lý thuyết biểu vật trong dịch thuật có tầm quan trọng trong việc dịch dựa vào các tình huống cụ thể như: 1/ Dựa vào sự vật cụ thể được mô tả để tạo ra một ký hiệu (từ) mới trong ngôn ngữ dịch, tìm trong ngôn ngữ dịch một ký hiệu mô tả tình huống gần như vậy, mô tả sự vật bằng

tổ hợp các ký hiệu của ngôn ngữ dịch; 2/ Lựa chọn một phương án dịch bắt buộc, không phụ thuộc vào hình thức của nguyên bản; 3/ Dựa vào tình huống cụ thể để lựa chọn một phương án dịch tương đương hoặc thay thế nó bằng một phương pháp khác thích hợp hơn. Ví như: dễ vỡ - осторожно, стекло; cấm lửa - огнеопасно.

Theo V.N.Komixarov, ưu điểm của mô hình dịch này là phản ánh được một cách đúng đắn nhiều mặt của quá trình dịch và có khả năng giải thích được nhiều đặc điểm trong việc lựa chọn một phương án dịch chính xác. Tuy vậy, lý thuyết này còn nhược điểm là chưa làm sáng tỏ được cơ chế cơ bản của hoạt động dịch và nó chỉ có giá trị trong những trường hợp tình huống cho phép lựa chọn một cách tương đối chính xác phương án dịch. Lý thuyết biểu vật còn chưa nêu bật được mối quan hệ có hệ thống giữa nội dung của nguyên bản và bản dịch, chưa đề cập và giải quyết được tính tương đối trong dịch thuật.

2. Mô hình lý thuyết cải biến

Ngôn ngữ học cấu trúc (структурная лингвистика) có ảnh hưởng đối với sự phát triển lý thuyết dịch. Nhiệm vụ của các nhà ngôn ngữ học là vận dụng thành quả nghiên cứu vào việc giải quyết vấn đề tự động hoá quá trình dịch. Từ đó hình thành “Mô hình lý thuyết cải biến trong dịch thuật (Трансформационная модель перевода)”.

Mô hình này xuất phát từ quan niệm cho rằng hoạt động của người dịch giống như hoạt động của máy tính điện tử - người dịch nhận được nguyên bản và sau một số thao tác sẽ cho ra bản dịch. Ngữ pháp cải biến (трансформационная

грамматика) làm cơ sở cho mô hình lý thuyết dịch này, nó nghiên cứu những qui tắc sản sinh ra các cấu trúc cú pháp khác nhau, nhưng vẫn sử dụng những hình vị và quan hệ logic như nhau.

Ví dụ: Мальчик бросил камень. Камень был брошен мальчиком. Бросание камня мальчиком. Cùng một nội dung thông báo có thể diễn đạt bằng cấu trúc chủ động hoặc bị động, tùy thuộc vào tình huống cụ thể hoặc ý định nhấn mạnh của người nói vào chủ thể hoặc khách thể... Do vậy, một số tác giả khác quan niệm cải biến rộng hơn, họ cho rằng, ngoài cải biến ngữ pháp (cú pháp và từ pháp) còn có cải biến từ vựng, văn phong... (Xem: Левицкая, А.Фитерман. *Почему нужны грамматические трансформации?* Тетради переводчика. Số 8. 1971). Những loại hình cải biến như vậy có liên quan với nhau trong dịch thuật, nhất là đối với những cặp ngôn ngữ thuộc những loại hình khác nhau (như Nga - Việt). Như trên ta thấy, bình diện nội dung không thay đổi được gọi là cái bất biến (инвариант), còn bình diện biểu đạt luôn biến đổi là các phương án dịch (варианты). Có thể nói rằng, hai bình diện trên có thể gặp ở các cấp độ ngôn ngữ khác nhau.

Ngữ pháp cải biến coi một số cấu trúc có khả năng sản sinh ra nhiều cấu trúc khác gọi là những cấu trúc hạt nhân (ядерные структуры), số còn lại gọi là các cải biến (трансформы). Ở đây ta thấy có hai thao tác cải biến: từ cấu trúc hạt nhân có thể sản sinh ra nhiều cấu trúc cải biến và ngược lại, từ nhiều cấu trúc cải biến có thể qui tụ lại thành cấu trúc hạt nhân.

Xuất phát từ chỗ đó, người ta đem áp dụng ngữ pháp cải biến này vào cả dịch máy.

I.I.Revzin và V.J.Rozenvay trong công trình “*Основы общего и машинного перевода*” đã bắc cầu giữa lý thuyết dịch truyền thống và dịch máy, đã đưa lý luận dịch lên ngang tầm với sự phát triển của ngôn ngữ học hiện đại. Trong tác phẩm của mình hai tác giả đã nêu ra một vấn đề có ý nghĩa to lớn đối với lý thuyết dịch - đó là vấn đề về mối liên quan giữa các yếu tố trong nội tại ngôn ngữ và ngoài ngôn ngữ, về việc phản ánh mối quan hệ ấy trong lý thuyết dịch. Các tác giả cho rằng, đối tượng của lý thuyết dịch gần với đối tượng của việc phân tích ngôn ngữ về mặt cấu trúc, bởi vì việc phân tích cấu trúc có mục đích nghiên cứu các qui tắc hoặc qui luật tổ chức chất liệu lời nói qua hệ thống ngôn ngữ. Máy chỉ có thể nắm được những thông báo được biểu đạt về mặt hình thức trong văn bản. Do đó, nhiệm vụ cơ bản ở đây là phải mã hoá lại thông báo ở dạng “ngôn ngữ trung gian” (язык-посредник). Vấn đề ngôn ngữ trung gian là vấn đề siêu ngôn ngữ (метаязык) của lý thuyết dịch. Trong ngôn ngữ học quan niệm siêu ngôn ngữ là “ngôn ngữ tầng bậc hai” dùng để giải thích cho ngôn ngữ tự nhiên. Siêu ngôn ngữ cũng có thể hiểu là một sơ đồ trừu tượng hơn dùng để miêu tả ngôn ngữ. Đối với dịch đó là tổng hợp những đặc trưng cấu trúc ngôn ngữ cho phép mô tả tương đối đầy đủ quá trình dịch. Cơ sở ngôn ngữ của nó là ngữ pháp tạo sinh (порождающая грамматика), nhờ đó mà miêu tả các thể dạng ngữ pháp của quá trình dịch và lý thuyết phân tích thành tố ngữ nghĩa giúp cho việc tìm hiểu

các thể dạng từ vựng của quá trình đó. Sơ đồ như vậy sẽ cho phép xây dựng một “mạng lưới tương đương” của đơn vị trong ngôn ngữ nguyên bản, trong ngôn ngữ dịch và xác định ra các qui luật của quá trình dịch. Quan điểm của nhà ngôn ngữ học E.Nida [6; 114] giống quan điểm của các nhà ngôn ngữ Nga, mặc dù sơ đồ quá trình dịch của hai nhà khoa học có phần khác nhau. Cái chung của họ là chú ý tới dịch thuật như là một quá trình giao tiếp và sử dụng rộng rãi thành quả của ngữ pháp tạo sinh. Theo N.Chomsky, người sáng lập ra ngữ pháp tạo sinh, cú pháp gồm hai bộ phận: 1/ Bộ phận nền tảng bao gồm các qui tắc thay thế và vốn từ; 2/ Bộ phận biến đổi dùng để cải biến các cấu trúc bề sâu (глубинные структуры) thành các cấu trúc bề mặt (поверхностные структуры).

Trong lý thuyết dịch hiện nay có hai khuynh hướng áp dụng phương pháp cải biến. Khuynh hướng thứ nhất cho rằng việc cải biến trong nội bộ một ngôn ngữ và việc dịch có những thao tác như nhau, vì dịch chẳng qua là một chuỗi cải biến giữa các ngôn ngữ. Khuynh hướng thứ hai không coi chuyển dạng từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác là việc cải biến thuần túy. Khuynh hướng này cho rằng, trước hết có thể qui tụ tất cả các dạng thức của hai ngôn ngữ vào một số lượng các cấu trúc hạt nhân nhất định vì giữa các cấu trúc hạt nhân của hai ngôn ngữ có sự tương đương tuyệt đối. Còn E.Nida cho rằng, hai hệ thống của nguyên bản và của bản dịch có những khác biệt về cấu trúc ngữ pháp và ngữ nghĩa, cho nên quá trình dịch không thể áp dụng phương pháp

chuyển đổi trực tiếp các cấu trúc bề nổi của ngôn ngữ này sang ngôn ngữ kia. Ông đề ra phương pháp chuyển đổi gián tiếp (sơ đồ: ngôn ngữ nguyên bản - ngôn ngữ trung gian - ngôn ngữ dịch) áp dụng trong mô hình phức tạp hơn. Sơ đồ mô hình dịch này có ba giai đoạn: 1/ Phân tích; 2/ Chuyển đổi (cải biến); 3/ Phục hồi cấu trúc. Theo E.Nida, phân tích là quá trình tiếp thu hoặc tìm hiểu thông báo nhận được; chuyển đổi (cải biến) là đưa các cấu trúc bề mặt thành cấu trúc hạt nhân bằng phương pháp cải biến ngược, sau đó tìm cấu trúc hạt nhân của ngôn ngữ dịch tương ứng với nó; phục hồi cấu trúc là mở rộng cấu trúc hạt nhân của ngôn ngữ dịch thành cấu trúc bề mặt. Mục đích là phục hồi lại nội dung thông báo bằng những hình thức tương đương gần nhất. Như vậy là E.Nida đóng góp nhiều cho phương pháp dịch. Ông đã vận dụng được nguyên tắc cải biến của ngôn ngữ học vào giải quyết vấn đề dịch. Phương pháp này có giá trị thực tiễn trong dịch thuật.

Khi đánh giá mô hình lý thuyết cải biến trong dịch thuật, các nhà khoa học thấy lý thuyết này có nhiều ưu điểm là chú ý tới việc đối chiếu các dạng thức của nhiều ngôn ngữ và xác định được tính tương đương giữa chúng, tạo cơ sở lý luận cho việc mô tả hệ thống quan hệ của từng cặp ngôn ngữ cụ thể, liên hệ được quá trình dịch với việc cải biến nội bộ trong một ngôn ngữ. Nhưng lý thuyết này chưa đi sâu vào tính tương đương (эквивалентность) trong dịch thuật, chưa giải thích được các hiện tượng tương đương về mặt tình huống, mà chỉ mới mô tả một vài khía cạnh của dịch có liên quan

tới quan hệ các cấu trúc của cặp ngôn ngữ đem đối chiếu.

3. Mô hình lý thuyết ngữ nghĩa

Nguyên tắc cơ bản của mô hình này (Семантическая модель перевода) là nghiên cứu và phân tích nội dung của bản gốc và bản dịch. Người dịch phải bảo đảm

Ví dụ: (nét nghĩa): người đi học (chứ không phải đi làm)

sinh viên	↗ → ↘	đại học (không phải phổ thông) nam giới (không phải nữ giới)	↘ → ↗	студент
-----------	-------------	---	-------------	---------

Phương pháp phân tích thành tố cho phép phân tích cấu trúc ngữ nghĩa của từ sâu hơn, chi tiết hơn, xác định mối quan hệ của các nghĩa từ, tách những nghĩa tố làm cơ sở cho việc tập hợp các từ có chung những nét nghĩa thành nhóm từ đồng nghĩa, những từ có những nét nghĩa đối lập thành cặp trái nghĩa. Nội dung của bất kỳ đơn vị ngữ nghĩa nào - nghĩa vị (сема) cũng có thể tách nhỏ ra thành nhiều nghĩa tố (nét nghĩa - семема) bằng cách xác định những đặc tính khu biệt (дифференциальные признаки). Mỗi ngôn ngữ đều lựa chọn các yếu tố khách quan bên ngoài theo lối riêng của mình, ghi nhận chúng trong nghĩa của các đơn vị ngôn ngữ. Các nghĩa tố tiềm tàng trong các đơn vị ngôn ngữ ấy tái hiện khi được sử dụng trong lời nói, không phụ thuộc vào người nói (hoặc phát ngôn). Theo một số tác giả, trong quá trình dịch ta thấy xuất hiện hai đặc tính cần yếu: đó là cần yếu về mặt ngôn ngữ và cần yếu về mặt giao tiếp. Nhiều khi tính cần yếu về mặt ngôn ngữ tỏ ra không cần yếu trong một hoạt động giao tiếp cụ thể nào đó. Dựa vào bình diện nội dung, lý thuyết ngữ nghĩa trong dịch

tính tương đương hoặc gần nhất về nội dung của những thành tố ngữ nghĩa tạo nên hai văn bản đó. Bằng phương pháp phân tích thành tố ngữ nghĩa (компонентный анализ) người dịch tách nghĩa từ ra thành các ngữ tố nhỏ hơn gọi là nét nghĩa (семема), sau đó tìm những đơn vị tương đương cho bản dịch.

thuật xác định tính tương đương trong dịch thuật trên cơ sở sự hiện diện của những nghĩa tố chung trong nội dung của hai văn bản. Đặc tính này thể hiện giữa các nghĩa tố, nên nhiệm vụ của dịch là phải tái hiện lại được những yếu tố cần yếu cho việc giao tiếp. Những nghĩa tố cần yếu còn lại tuy chưa được thể hiện hết, nhưng thực ra không quan trọng lắm đối với dịch.

Lý thuyết ngữ nghĩa trong dịch thuật được phát triển mạnh trên cơ sở kết hợp việc áp dụng phương pháp phân tích thành tố ngữ nghĩa với một vài thành quả của ngữ pháp tạo sinh. Mô hình này khác ngữ pháp tạo sinh ở chỗ mục đích của nó là phản ánh những qui luật biến đổi ý nghĩa thành văn bản và ngược lại, nên còn gọi là “mô hình ý nghĩa - văn bản”, nghiên cứu cơ chế phân tích và sản sinh ra các lời nói (phát ngôn) dựa vào mối quan hệ qua lại của các phương tiện từ vựng và ngữ pháp, đồng thời cùng phân biệt cấu trúc bề sâu và bề mặt. Cấu trúc bề sâu khác cấu trúc bề mặt ở mức độ trừu tượng hoá và chia ra làm hai phần: cú pháp bề sâu và từ vựng bề sâu. Cú pháp bề sâu ở đây gồm những

phạm trù ngữ nghĩa (семантические категории) chứ không phải phạm trù ngữ pháp (грамматические категории). Từ vựng bề sâu cũng là một cấp độ trừu tượng gồm những tượng trưng chức năng từ vựng, nghĩa là mối quan hệ ngữ nghĩa nhất định đó giữa đơn vị từ cơ bản với các từ phụ khác. Về thực chất đó là những qui luật của khả năng kết hợp từ vựng do những mối quan hệ ý nghĩa bề chìm giữa các từ qui định.

Đối với dịch, các tác giả của mô hình này cho rằng, giữa các ngôn ngữ khác nhau có những phạm trù nội dung chung, đó là những cấu trúc bề sâu khác với các cấu trúc bề mặt của bất kỳ ngôn ngữ nào. Mỗi cặp ngôn ngữ đều có tổng thể nghĩa tổ chung tạo ra cơ cấu bề sâu. Sơ đồ của mô hình này gồm nhiều giai đoạn: ở giai đoạn đầu các đơn vị nguyên bản chuyển thành các phạm trù nội dung bề sâu chung cho cả hai ngôn ngữ. Sau đó các phạm trù thuộc bề sâu đó được thể hiện bằng các phương tiện của ngôn ngữ dịch.

L.A. Tsernjakhốpxkaja (*“Перевод и смысловая структура”* 1976) đã áp dụng phương pháp phân tích tình huống của V.Mathesius vào dịch thuật. Ngoài trật tự từ gồm hai phần: đề tố (тема) và thuyết tố (пема) ra, bà còn đề ra trật tự ngữ nghĩa và tải trọng ngữ nghĩa. Bà phân tích mô hình cấu trúc thông báo của phát ngôn với mô hình cấu trúc ngữ pháp hình thức. Mô hình đầu gồm đề tố và thuyết tố, mô hình hai gồm các thành phần câu. Một câu cụ thể trong ngữ cảnh có hai loại cấu trúc, còn câu ngoài ngữ cảnh chỉ có cấu trúc ngữ pháp hình thức mà thôi...

Tóm lại, ưu điểm của mô hình lý thuyết dịch ngữ nghĩa trong dịch thuật là giải thích được nhiều khía cạnh của quá trình dịch, phân tích một cách khách quan hệ thống các phương tiện diễn đạt phạm trù nội dung, tạo khả năng đối chiếu các đơn vị ngôn ngữ. Nhưng việc chia ra các phạm trù nội dung chưa triệt để và còn gặp nhiều khó khăn. Lý thuyết này còn chưa đề cập đến việc truyền đạt hiện tượng liên tưởng, chưa xét đến tính đa dạng của nội dung, chưa quan tâm đúng mức đến tầm quan trọng đặc biệt của mục đích giao tiếp trong việc lựa chọn các phương tiện dịch.

4. Mô hình lý thuyết các cấp độ tương đương

Về lý thuyết các cấp độ tương đương trong ngôn ngữ và dịch L.V. Barkhudarốp đề cập trong bài *“Các cấp độ tầng bậc ngôn ngữ và dịch”* [1]. Ông cho rằng, dịch là một quá trình chuyển đổi văn bản bằng ngôn ngữ này sang văn bản ngôn ngữ khác mà bình diện nội dung không thay đổi. Nói cách khác, dịch là sự thay thế các đơn vị của bình diện biểu đạt - (các đơn vị ngôn ngữ), nhưng bình diện nội dung (điều thông báo của văn bản) không thay đổi. L.V.Barkhudarốp đã vận dụng lý thuyết cấp độ trong ngôn ngữ học vào dịch thuật. Theo ông, các đơn vị dịch (единица перевода) là các đơn vị ngôn ngữ có sự tương đương trong bản dịch, nhưng các thành tố của nó không nhất thiết phải tương đương riêng biệt với các đơn vị của ngôn ngữ gốc. Trên nguyên tắc, đơn vị cấp độ ngôn ngữ nào cũng có thể trở thành đơn vị dịch được. Song trong thực tế cấp độ âm vị, hình vị ít có khả

năng trở thành đơn vị dịch vì thường không có ý nghĩa độc lập.

L.V.Barkhuđarov chia ra các cấp đơn vị sau:

1. Dịch ở cấp độ âm vị.
2. Dịch ở cấp độ hình vị.
3. Dịch ở cấp độ từ.
4. Dịch ở cấp độ cụm từ.
5. Dịch ở cấp độ câu.
6. Dịch ở cấp độ toàn bài (văn bản).

Sau này L.V.Barkhuđarov trong cuốn “*Ngôn ngữ và dịch*” [1] đã điều chỉnh và nhấn mạnh thêm bình diện ngữ nghĩa của dịch, tức vấn đề thuộc nội dung. Dịch là quá trình chuyển đổi văn bản từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác. Vì thế người phiên dịch sẽ tương tác với văn bản chứ không phải với ngôn ngữ như một hệ thống. Văn bản nhỏ nhất thể hiện ở câu - quá trình dịch thường được thực hiện trong phạm vi câu. Theo tác giả, sự chênh lệch ngữ nghĩa trước hết có liên quan tới hệ thống các ngôn ngữ. Nhưng trong lời nói những chênh lệch đó đã bị chung hoà và mờ đi. Xuất phát từ chỗ đó, tác giả đi sâu vào nghiên cứu phân loại các từ nghĩa và cách chuyển đạt những nghĩa từ trong dịch để rút ra những tương ứng ngữ nghĩa. Mặc dù, mô hình về lý thuyết dựa trên căn cứ phân chia theo cấp độ ngôn ngữ, song quá trình dịch đúng ra thường bắt đầu từ đơn vị dịch, một vấn đề còn đang tranh cãi. B.N. Comixarov [2; 61-66] là người phát triển mô hình lý thuyết cấp độ tương đương trong dịch thuật. Về việc chia các cấp độ trong dịch có khác với Barkhuđarov. Theo B.N.Comixarov, lý

thuyết cấp độ tương đương là một mô hình dịch dựa trên cơ sở giả định cho rằng quan hệ tương đương được xác định giữa các cấp độ kế tiếp nhau theo đặc tính của thông báo truyền ra từ người phát (отправитель - источник) đến người nhận (получатель - рецептор). Dịch đây là một hành động giao tiếp (коммуникативный акт), vì hành động dịch thực chất là hai hành động giao tiếp gắn liền chặt chẽ với nhau, gồm những thành phần: thông báo, người phát, người nhận, mã (ngôn ngữ), kênh giao tiếp (nói, viết). Dựa vào quan điểm đó các nhà ngôn ngữ cho rằng, bình diện nội dung có nhiều cấp độ khác nhau. B.N.Comixarov chia văn bản (đơn vị lời nói) truyền đi từ người phát đến người nhận ra làm nhiều cấp độ từ nhỏ đến lớn và coi đây là Mô hình giao tiếp trong dịch (Коммуникативная модель перевода).

1. Cấp độ ký hiệu ngôn ngữ (từ) (уровень языковых знаков).
2. Cấp độ phát ngôn (уровень высказывания).
3. Cấp độ thông báo (уровень сообщения).
4. Cấp độ mô tả tình huống (уровень описания ситуации).
5. Cấp độ mục đích giao tiếp (уровень цели коммуникации) [2; 66].

Áp dụng vào dịch, tác giả giải thích như sau: 1/ Người phát khi thực hiện một hành động lời nói tất phải có mục đích nhất định (thông báo, tác động...). Nội dung của bản dịch phụ thuộc vào mục đích giao tiếp, vì vậy mục đích giao tiếp cũng nằm trong nội dung của văn bản, là

một phần của thông báo; 2/ Những sự vật, những quan hệ cụ thể... được thông báo tạo thành tình huống. Việc thông báo về chúng chính là sự mô tả tình huống; 3/ Mỗi tình huống có thể được mô tả bằng nhiều phương thức diễn đạt, bằng những phạm trù nội dung khác nhau, phản ánh những đặc tính khác nhau của ngữ cảnh. Mỗi phương thức diễn đạt được gọi là một thông tin. Như vậy là có thể dùng nhiều thông tin khác nhau để mô tả một tình huống; 4/ Người phát dùng mã ngôn ngữ gồm nhiều đơn vị hợp thành để thông báo. Mỗi phát ngôn là một chuỗi ký hiệu được tuyển lựa, kết hợp lại theo những qui tắc nhất định. Trật tự các cấp độ nội dung kể trên tương ứng với các giai đoạn phân tích văn bản, có liên quan tới nguyên bản và bản dịch. Để có thể truyền đạt được hết nội dung nguyên bản cần phải xác định quan hệ tương đương tối đa ở mọi cấp độ theo trình tự nhất định. Theo B.N.Comixarov, lý thuyết cấp độ tương đương bỏ khuyết cho các mô hình dịch khác [2; 61]. Nó mô tả quá trình dịch đầy đủ hơn và đề ra tiêu chí đánh giá chất lượng bản dịch, giải thích được việc lựa chọn phương án dịch và những yếu tố dịch phụ thuộc vào hoàn cảnh thực tế.

5. Mô hình lý thuyết các tương ứng có qui luật

Cuối cùng chúng tôi đề cập đến luận điểm dịch truyền thống của Nga. Đó là “Mô hình lý thuyết các tương ứng có qui luật” (Теория закономерных соответствий) do J.Retxker [3] đề xuất. Theo nhận định của A.Đ.Svâytxer [5; 17], ưu điểm của lý thuyết này là lần đầu tiên đã dựa vào thành quả của đối chiếu ngôn

ngữ và kinh nghiệm hoạt động dịch thực tiễn của các dịch giả. Quan điểm của A.V.Phêđôrôv [4; 27], về quá trình dịch cũng gần như vậy: Đây là lý thuyết nhằm xác định sự tương ứng có qui luật giữa ngôn ngữ nguyên bản và ngôn ngữ dịch bằng cách đi từ phạm trù hình thức (cứ liệu khách quan) đến việc xác định ý nghĩa của nó trong ngữ cảnh của nguyên bản, rồi sau đó diễn đạt ý nghĩa ấy bằng các phương tiện hình thức của ngôn ngữ dịch có sự tương đương hoặc không tương đương với nguyên bản. Trong lý thuyết dịch của mình A.V. Phêđôrôv đã xác định những qui luật tương ứng bằng cách đối chiếu những đặc thù vốn từ vựng, cơ cấu ngữ pháp, cách sử dụng các phương tiện ngôn ngữ về mặt tu từ và đồng thời phân tích quá trình hoạt động dịch thực tiễn. Phương pháp cơ bản nhất của lý thuyết này là dựa vào chức năng để xác định các tương ứng trong dịch. J.Retxker cho rằng, dịch sẽ vô nghĩa nếu thiếu một cơ sở ngôn ngữ học. Mà cơ sở đó phải là việc nghiên cứu đối chiếu các hiện tượng ngôn ngữ và xác định các qui luật tương ứng giữa ngôn ngữ nguyên bản và ngôn ngữ dịch. Những qui luật tương ứng trong từ vựng, ngữ cú, cú pháp, tu từ phải là cơ sở ngôn ngữ học cho lý thuyết dịch. Dựa trên luận điểm đó J.Retxker đã phân loại các tương ứng có qui luật như sau:

1. Các tương đương (эквиваленты).
2. Các tương ứng hoặc các biến thể (аналоги, варианты).
3. Các thay thế tương đương (адекватные замены).

Để phản ánh được đúng tư tưởng, tình cảm trong nguyên bản, người dịch phải nhờ đến logic học, tâm lý học, nghiên cứu văn học, song chỗ dựa duy nhất vẫn là văn bản và cơ sở ngôn ngữ học đối với văn bản chính là các tương ứng chức năng.

Theo J.Retxker: 1/ Các tương ứng là những tương ứng đẳng nghĩa thường xuyên, không phụ thuộc vào ngữ cảnh (thường là những thuật ngữ). Tương ứng gồm: tương ứng hoàn toàn và tương ứng từng phần, tuyệt đối hoặc tương đối; 2/ Các tương ứng biến thể là sự tương ứng giữa các từ trong trường hợp khi trong ngôn ngữ dịch có một số từ có thể truyền đạt cùng một nghĩa của từ gốc nước ngoài. Ở đây ta thấy vai trò ngữ cảnh là quan trọng, vì nghĩa của từ đa nghĩa chỉ được xác định rõ trong ngữ cảnh; 3/ Các thay thế tương đương trong dịch là khi người dịch muốn truyền đạt nội dung một cách chính xác, trong trường hợp này phải xuất phát từ toàn bộ vấn đề chứ không phụ thuộc vào tương ứng từ vựng và câu. Sau này J.Retxker đã đưa phần này vào mục các thủ pháp dịch.

Trên đây chúng tôi mới giới thiệu qua một số mô hình lý thuyết dịch dựa trên cơ sở ngôn ngữ học. Về lý thuyết dịch hiện nay có rất nhiều người quan tâm, không những từ góc độ ngôn ngữ học, mà còn từ nhiều góc độ khác như: văn học, tâm lý học, giảng dạy ngoại ngữ và thực hành nghiệp vụ...

Để đi vào cụ thể, chúng tôi sẽ trình bày tiếp về việc ứng dụng những mô hình trên

trong dịch Nga-Việt và ngược lại thuộc lĩnh vực từ vựng và ngữ pháp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Бархударов Л.С. *Язык и перевод*. М. 1975. (Ngôn ngữ và dịch)

Xem thêm: *Уровни языковой иерархии и перевод*. Тетради переводчика. Số 6, 1969)

2. Комиссаров В.Н. *Слово о переводе*. М. 1973. (Bàn về dịch)

3. Рецкер Я.И. *О закономерных соответствиях при переводе на родной язык*. (Bàn về những tương ứng có quy luật trong việc dịch sang tiếng mẹ đẻ) (См. в книге: А.Д. Швейцер. *Перевод и лингвистика*. М.1973, стр. 17-28. Trong cuốn “Dịch và ngôn ngữ học” của А.Д. Швейцер)

4. Федоров А.В. *Основы общей теории перевода*. М. 1969. (Cơ sở của lý thuyết dịch đại cương)

5. Швейцер А.Д. *Перевод и лингвистика*. М.1973. (Dịch và ngôn ngữ học)

6. Сборник. *Вопросы теории перевода в зарубежной лингвистике*. М. 1978. (Tuyển tập: Những vấn đề dịch thuật trong ngôn ngữ học ở nước ngoài)

* Кэтфорд К. *Лингвистическая теория перевода*. Стр. 91-114.

(J.Catford. *A Linguistic Theory of Translation*. London, 1967) (Lý thuyết ngôn ngữ học trong dịch)

* Найда А. *К науке переводить. Принципы соответствий*. Стр. 114-137.

(E.Nida. *Toward a Science of Translating*. Leiden 1964) (Bàn về khoa học dịch. Chương: Những nguyên tắc của các tương ứng)

(Những tư liệu trên đã được tái bản vào những năm gần đây. Xem trên Internet)

(Toà soạn nhận bài viết ngày 27/3/2017, duyệt đăng ngày 30/6/2017)